

Bản án số: 104/2024/HS-ST
Ngày 06 tháng 5 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN DU, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Văn Quang.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Xuyến và bà Đào Thị Thu

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Hà Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 101/2024/TLST-HS ngày 03 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2024/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1999 tại tỉnh Bắc Ninh; giới tính: Nam; hộ khẩu thường trú: Khu phố N, phường T, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 06/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Quang V (đã chết) và con bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1966; gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ hai; có vợ là Lò Thị H1, sinh năm 1997 và có 02 con (con lớn sinh năm 2018, con nhỏ sinh năm 2022).

Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 11/01/2024 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B. (Có mặt)

Bị hại: Cháu Nguyễn Minh Q, sinh ngày 31/12/2009; địa chỉ: Thôn T, phường A, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Bà Vương Thị T1, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn T, phường A, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh. (vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Chị Nguyễn Thị V1, sinh năm 2002; địa chỉ: Thôn N, phường A, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh. (vắng mặt)

- Cháu Nguyễn Duy H2, sinh năm 2008; địa chỉ: Thôn N, phường A, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của cháu Nguyễn Duy H2: Ông Nguyễn Duy S, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn N, phường A, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh. (vắng mặt)

- Anh Hà Thế G, sinh năm 1989; địa chỉ: Khu L, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Buổi tối ngày 08/01/2024, Nguyễn Văn T đi từ nhà đến quán Internet ở N, phường T, thị xã T để ngồi chơi điện tử. Khi đi T mang theo 01 con dao, loại dao gọt hoa quả dài khoảng 30cm, chuôi dao bằng nhựa màu xanh, lưỡi dao bằng kim loại sáng màu để trong ống tay áo bên trái mục đích để phòng thân. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, T nhờ cháu Lưu Nhật Gia B, sinh ngày 14/4/2006 là người ở cùng thôn cũng đang ngồi chơi ở quán Internet chở về nhà, B đồng ý. Sau đó, B điều khiển xe mô tô chở T về nhà nhưng trên đường đi thì T đổi ý và nói B đến đoạn xuống ngõ Đông C thì T xuống xe còn cháu B điều khiển xe mô tô về nhà. Lúc này, T đi bộ dọc đường hướng ra ngã tư Đ với mục đích bắt xe lên phòng trọ của bạn gái là chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1998 (hộ khẩu thường trú: Số nhà C, tổ E, xã H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) hiện đang thuê trọ tại khu C, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh để ngủ.

Khoảng 23 giờ 10 phút cùng ngày, cháu Nguyễn Minh Q, sinh ngày 31/12/2009 ở thôn T, phường A, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh có sang nhà cháu Nguyễn Duy H2, sinh ngày 11/05/2008 ở thôn N, phường A, thị xã T để chơi. Tại nhà cháu H2 thì cháu H2 và cháu Q có rủ nhau đi ăn đêm rồi cháu Q điều khiển chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave A dán đề can màu xanh nõn chuối, BKS: 99F1 - 555.88 (đây là xe của chị Nguyễn Thị V1, sinh năm 2002 ở thôn N, phường A, thị xã T là chị gái H2) đèo H2 ra ngã tư Đ để ăn đêm. Sau đó, cháu Q có rủ cháu H2 ra quán nét chơi, cháu H2 đồng ý rồi Q điều khiển xe chở cháu H2 đến quán nét ở phường H, thị xã T nhưng do sợ thiếu tiền nên cháu H2 có bảo cháu Q đi xe mô tô về nhà cháu H2 để lấy tiền, Q đồng ý và điều khiển xe mô tô một mình về nhà cháu H2. Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, sau khi lấy tiền xong thì Q điều khiển xe quay lại quán nét, khi đi gần đến ngã tư Đ thấy T đi bộ một mình nên cháu Q có hỏi: “Anh đi đâu đấy, có đi nhờ xe không em cho đi nhờ” thì T bảo “Có”. Sau khi ngồi lên xe, do thiếu tiền chi tiêu cá nhân nên T nảy sinh ý định sẽ cướp chiếc xe mô tô này đem bán lấy tiền. T bảo Q đưa đến Lạc Thổ mục đích chờ thời cơ thuận lợi sẽ thực hiện hành vi cướp tài sản, Q đồng ý. Khi Q điều khiển xe chở T rẽ trái vào đoạn đường đê thuộc địa phận phường H, T thấy đoạn đường này vẫn có xe đi lại nên T nói dối bảo cháu Q: “Anh đi uống rượu về tầm này muộn rồi sợ vợ chửi, em chở anh sang T để ngủ nhờ nhà bạn” rồi tiếp tục chỉ đường cho cháu Q đi qua cầu H sau đó rẽ trái vào

lối đường đê thuộc địa phận thôn C, xã T, huyện T. Đi trên đường đê cách cầu H khoảng 200m, cháu Q hỏi T: “Đến nơi chưa anh” thì T bảo: “Đến rồi, cho anh dừng lại ở đây”. Khi cháu Q vừa dừng xe, tắt máy và rút chìa khóa điện thì T dùng tay phải rút con dao từ trong ống tay áo bên trái ra rồi vòng tay từ sau về trước, từ phải qua trái kè lưỡi dao vào cổ cháu Q đe dọa: “Mày có sợ chết không” Q sợ hãi nói: “Cháu có, cháu còn trẻ chú tha cho cháu”. T tiếp tục quát lớn: “Xe có đăng ký không, xuống xe”; cháu Q lúc này biết T có ý định cướp chiếc xe máy của mình nên sợ hãi tự lấy chìa khóa cắm vào ổ khóa điện của xe và xuống xe. Lúc này, T vẫn cầm dao kè lưỡi dao vào cổ Q đồng thời yêu cầu Q đi sang sát mép triền đê đối diện với vị trí để chiếc xe mô tô, sau đó dùng chân phải đạp 01 phát vào người cháu Q khiến cháu Q mất đà và ngã xuống triền đê. Thấy cháu Q ngã, T nhanh chóng nhảy lên chiếc xe mô tô và phóng xe bỏ chạy, đi được khoảng 100m thì T vứt con dao ở bụi cỏ ven đường và tiếp tục đi theo đường QL38 cũ lên phòng trọ của chị N để ngủ. Tại đây, T kiểm tra phát hiện trong cốp xe có 01 ví giả da màu đen bên trong không có giấy tờ gì nên T đã vứt tại thùng rác gần phòng trọ của chị N.

Đến khoảng hơn 11 giờ ngày 09/01/2024, T điều khiển chiếc xe mô tô đến cửa hàng “Thế Giang motor” ở khu L, phường V, thành phố B do anh Hà Thế G, sinh năm 1989 (hộ khẩu thường trú: Bản N, xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang) làm chủ để bán chiếc xe. T nói với anh G là xe của T bị mất giấy tờ do cần tiền nên bán, anh G đồng ý mua với giá 4.500.000 đồng. Anh G chuyển khoản từ tài khoản ngân hàng V2 chi nhánh T2 số 0451000210355 của anh G vào tài khoản ngân hàng Q1 (M) số 0098924899999 của T số tiền 3.500.000 đồng và đưa cho T 1.000.000 đồng tiền mặt. Số tiền trên T đã chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 09/01/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T nhận được đơn của cháu Q trình báo về việc bị một nam thanh niên dùng dao khống chế cướp chiếc xe mô tô hiệu Honda Wave A dán đề can màu xanh nõn chuối, BKS: 99F1 - 555.88.

Đối với con dao dài khoảng 30cm, lưỡi bằng kim loại, chuôi dao bằng nhựa màu xanh là công cụ dùng vào hành vi phạm tội. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, T vứt lại ở bụi cỏ cách vị trí cướp chiếc xe của cháu Q 100m. Đến nay, Cơ quan điều tra chưa thu hồi được.

Đối với chiếc ví da của cháu Q, T đã vứt tại thùng rác gần phòng trọ của chị N đến nay Cơ quan điều tra chưa thu hồi được.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 17/KL-ĐGTSTTHS ngày 19/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận: *“01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu xanh đen bạc có dán đề can màu xanh nõn chuối, BKS:99F1-555.88, số máy JA39E2056072, số khung RLHJA3924LY053135, dung tích xi lanh 109cm³. Tài sản đã qua sử dụng. Có giá còn lại là 12.000.000 đồng”*.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, Nguyễn Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Với nội dung trên, tại Bản cáo trạng số 41/CT-VKS-TD ngày 03/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Cướp tài sản” theo điểm d, e Khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo khai nhận toàn bộ nội dung Cáo trạng truy tố là đúng người, đúng tội, hành vi phạm tội miêu tả trong Cáo trạng đúng với hành vi bị cáo đã thực hiện, Kết luận định giá tài sản của cơ quan có thẩm quyền đã thực hiện là đúng nên bị cáo không có ý kiến gì.

Bị hại cháu Nguyễn Minh Q và người đại diện hợp pháp vắng mặt tại phiên tòa: Lời khai trong hồ sơ thể hiện khi bị cướp xe, trong bóp có một chiếc ví giả da màu nâu hình vuông của cháu Q, tuy nhiên bên trong không có tài sản gì, trong quá trình phạm tội bị cáo T đã vứt chiếc ví trên ở thùng rác, hiện chưa thu hồi được. Cháu Q cho biết do tài sản giá trị không lớn nên cháu không yêu cầu định giá, cũng không yêu cầu bồi thường liên quan tới chiếc ví trên. Về trách nhiệm hình sự xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Nguyễn Thị V1, cháu Nguyễn Duy H2 và người đại diện hợp pháp vắng mặt tại phiên tòa: Lời khai trong hồ sơ thể hiện chị Nguyễn Thị V1 đã được nhận lại chiếc xe mô tô hiệu Honda Wave A dán đề can màu xanh nõn chuối, BKS: 99F1 - 555.88, chị V1, cháu H2 và người đại diện không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Hà Thế G vắng mặt tại phiên tòa: Lời khai trong hồ sơ thể hiện, anh G đã mua chiếc xe của bị cáo T với giá là 4.500.000 đồng, khi mua xe anh G không biết chiếc xe do T phạm tội mà có, sau khi được Cơ quan điều tra thông báo chiếc xe kể trên là xe do T phạm tội mà có thì anh G đã tự nguyện giao nộp chiếc xe trên. Anh G yêu cầu bị cáo T phải bồi thường cho anh số tiền 4.500.000 đồng mà anh đã bỏ ra để mua xe của T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo theo Cáo trạng số 41/CT-VKS-TD ngày 03/4/2024. Trong phần luận tội đã phân tích nguyên nhân, tính chất, mức độ nguy hiểm cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Cướp tài sản”.
2. Về hình phạt và điều luật áp dụng: Căn cứ điểm d, e khoản 2 Điều 168; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/01/2024.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ Luật Hình sự; các Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 589 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường cho anh Hà Thế G số tiền 4.500.000 đồng.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 7 màu hồng của bị cáo T.

Bị cáo sau khi nghe luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du, bị cáo thừa nhận có tội, không tự bào chữa, không tranh luận bổ sung đã thể hiện sự ăn năn hối cải.

- Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa;

- Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo,

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người đại diện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác được thu thập trong hồ sơ vụ án, xét có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 23 giờ 45 phút ngày 08/01/2024, tại đê thuộc địa phận thôn C, xã T, huyện T, Nguyễn Văn T dùng 01 con dao, loại dao gọt hoa quả dài khoảng 30cm, chuôi dao bằng nhựa màu xanh, lưỡi dao bằng kim loại sáng màu kề cổ uy hiếp cháu Q làm cháu Q lâm vào trạng thái không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu xanh đen bạc có dán đề can màu xanh nổi chuôi, BKS: 99F1-555.88 trị giá 12.000.000 đồng của cháu Q. Hành vi này của bị cáo đã cấu thành tội “Cướp tài sản” thuộc trường hợp sử dụng phương tiện nguy hiểm và phạm tội đối với người dưới 16 tuổi. Tội phạm và hình phạt đối với bị cáo T được quy định tại điểm d, e Khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản, đồng thời còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự,

trị an. Bị cáo là thanh niên khỏe mạnh, nhận thức rõ hành vi cướp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng do lười lao động, để có tiền tiêu xài cá nhân nên bị cáo đã phạm tội. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc, cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục cải tạo riêng và phòng ngừa chung.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, đây là lần đầu phạm tội. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4] Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có tài sản riêng, không có thu nhập ổn định do đó hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Như đại diện VKS đề nghị là phù hợp.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Ngày 11/01/2024, sau khi biết chiếc xe trên là do T phạm tội mà có, anh G đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra. Ngày 02/02/2024, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị V1 chiếc xe trên là phù hợp.

- Cơ quan điều tra thu giữ 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 7 màu hồng của bị cáo T, đây là điện thoại của T dùng để trao đổi, giao dịch chuyển tiền bán xe với anh G nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Anh Hà Thế G yêu cầu bị cáo T phải bồi thường số tiền mà anh G đã bỏ ra mua xe của T là 4.500.000 đồng.

[7] Liên quan trong vụ án này:

Đối với anh Hà Thế G là người mua lại chiếc xe của T, tuy nhiên khi bán xe bị cáo T nói là xe của T bị mất giấy tờ, đang cần tiền nên muốn bán, anh G không biết chiếc xe trên là do T phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra chỉ giáo dục, nhắc nhở anh G là phù hợp.

Đối với chị Nguyễn Thị N là người cho bị cáo T ngủ nhờ sau khi thực hiện hành vi phạm tội, T nói với chị N là chiếc xe T nhận cầm của người khác, chị N không biết chiếc xe trên do T phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra chỉ giáo dục, nhắc nhở chị N là phù hợp.

Đối với chị Nguyễn Thị V1 là chủ sở hữu chiếc xe tô tô nhãn hiệu Honda Wave màu xanh đen bạc có dán đề can màu xanh nõn chuối, BKS: 99F1-555.88, vào năm 2022 chị V1 đi lấy chồng và mua xe mới, do không sử dụng đến nên chị V1 có để nhờ chiếc xe trên tại nhà bố đẻ là ông Nguyễn Duy S. Vào tối ngày 08/01/2024, H2 có tự ý lấy xe máy và giao xe cho Q điều khiển chị V1 hoàn

toàn không biết. Do đó, Cơ quan điều tra không đề cập đến vấn đề xử lý mà chỉ giáo dục nhắc nhở là phù hợp.

Đối với cháu Nguyễn Minh Q có hành vi điều khiển xe mô tô khi không có Giấy phép lái xe, không đội mũ bảo hiểm, chở cháu H2 ngồi sau không đội mũ bảo hiểm đã vi phạm khoản 1 Điều 21; điểm n, o khoản 3 Điều 6 Nghị định 100/2019/NĐ-CP đã sửa đổi bổ sung tại Nghị định 123/2021/NĐ-CP. Ngày 06/3/2024, Cơ quan điều tra đã có công văn gửi Đ để giải quyết theo thẩm quyền.

Đối với cháu Nguyễn Duy H2 có hành vi giao xe cho cháu Q điều khiển đã vi phạm điểm d khoản 5 Điều 30 Nghị định 100/2019/NĐ-CP đã sửa đổi bổ sung tại Nghị định 123/2021/NĐ-CP. Ngày 06/3/2024, Cơ quan điều tra đã có công văn gửi Đ để giải quyết theo thẩm quyền.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Cướp tài sản”.

2. Hình phạt và điều luật áp dụng: Căn cứ điểm d, e Khoản 2 Điều 168; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 08 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/01/2024.

Tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ Luật tố tụng hình sự:

Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 7 màu hồng thu giữ của bị cáo T.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng số 88 ngày 09/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh).

4. Căn cứ Điều 48 Bộ Luật Hình sự; các Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 589 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường cho anh Hà Thế G số tiền 4.500.000 đồng. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án làm đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên thi hành án chưa thi hành xong thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 cho đến khi thi hành xong.

5. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người đại diện vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND huyện Tiên Du;
- Công an huyện Tiên Du;
- Chi cục THADS huyện Tiên Du;
- Những NTGTT;
- Các bị cáo;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Quang